

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2021**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800376530
- Vốn điều lệ: 138.899.730.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 138.899.730.000 đồng
- Địa chỉ: Km28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số điện thoại: 02203.580.414
- Website: ww.songdacaocuong.vn
- Mã cổ phiếu: SCL

Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường (Công ty) thành lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 vào ngày 01/3/2019

Công ty thực hiện niêm yết cổ phần tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 15/09/2010. Số lượng cổ phiếu niêm yết ban đầu là 9.000.000 cp; hiện nay là 13.889.973 CP; mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, hướng dẫn vận hành, chạy thử, đào tạo và chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất tro bay từ tro xỉ phế thải của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, bằng công nghệ tuyển ướt và sấy khô đồng bộ, hiện đại, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và bảo vệ môi trường (công nghệ đã đạt giải nhất Giải thưởng Sáng tạo Khoa học- Công nghệ Việt Nam năm 2008).

- Năm 2011 Công ty đầu tư xây dựng thành công và đi vào hoạt động Dự án nhà máy sản xuất gạch nhẹ chung áp công suất 200.000 m³/năm, đây là một trong những nhà máy lớn tại Việt Nam đi đầu trong lĩnh vực sản xuất gạch bê tông nhẹ thay thế gạch xây sản xuất bằng phương pháp nung đốt truyền thống, thuận theo quy hoạch của Nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng gạch xây không nung; điểm đặt biệt ở đây là Công ty sử dụng nguyên liệu từ tro xỉ của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại qua dây chuyền xử lý để sản xuất, góp phần xử lý chất thải do nhà máy nhiệt điện thải ra. Cũng năm 2012 Công ty khánh thành nhà máy sản xuất vữa khô, keo dán gạch đá, keo chít mạch; đến nay công suất nhà máy này là 100.000 tấn/năm.

- Năm 2012, Công ty ký Hợp đồng EPC công nghệ với Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ về: “Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, thiết kế chế tạo dây chuyền xử lý phosphogypsum (PG) của DAP Đình Vũ, làm phụ gia cho xi măng và làm nguyên liệu để sản xuất tấm thạch cao xây dựng”; và đề tài này đã được Công ty xây dựng thành Đề tài khoa học cấp Nhà nước được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt cấp kinh phí thực hiện; Theo đó ngày 6/6/2016 Công ty đã ký hợp đồng với Bộ Khoa học và Công nghệ và đang triển khai thực hiện Đề tài KH&CN cấp quốc gia thực hiện Đề tài trên, đến nay Công ty thực hiện hoàn thành gói thầu EPC Đình Vũ; Riêng Đề tài khoa học Công ty tiếp tục thực hiện hoàn thành trong năm 2018.

- Năm 2016 Công ty hoàn thiện việc phát hành thêm 3.000.000 cp, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 138.899.730.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: (chỉ nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất vật liệu xây dựng; các mặt hàng chính là tro bay, gạch nhẹ chung áp AAC, các sản phẩm của bê tông khí, vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, keo chít mạch, ...;

- Địa bàn kinh doanh: (chỉ nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Sản phẩm tro bay của Công ty đã được cấp cho Công trình thủy điện Nậm Thon, Nậm Săm 3 tại Lào và xuất khẩu sang các nước trong khu vực Đông Nam á; các sản phẩm vật liệu xây dựng khác tiêu thụ trong nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban tổng giám đốc: Có Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc

- Các phòng chức năng: Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật- Công nghệ; phòng Kinh doanh; Nhà máy sản xuất tro bay, Nhà máy sản xuất gạch nhẹ, Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép.

c) Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ; địa chỉ: Lô GI-7, Khu kinh tế Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Q. Hải An, Tp Hải Phòng. Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất thạch cao từ bã thải của nhà máy sản xuất phân bón, ...; Vốn điều lệ thực góp: 21.191.600.000 đồng; Tỷ lệ sở hữu: 17%

- Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại: Vốn thực góp: 800.300.000 đồng, địa chỉ tại Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương, tỷ lệ sở hữu vốn 10%; là đơn vị kinh doanh tiền tệ.

- Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân: Vốn thực góp: 1.200.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu vốn 40%; địa chỉ tại Vĩnh Tân, Tuy Phong, Bình Thuận, là đơn vị xử lý tro xỉ và sản xuất bê tông thương phẩm.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng nhanh, ổn định, bền vững, trở thành doanh nghiệp lớn đi đầu trong lĩnh vực sản xuất công nghệ và sản phẩm vật liệu xây dựng chất lượng cao từ các chất phế thải của ngành công nghiệp; không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu của Công ty, đạt lợi nhuận cao, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông góp vào Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, đảm bảo giá trị của cổ phiếu, lợi tức của Cổ đông và thu nhập của người lao động.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và phụ gia cho bê tông và xi măng, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững, mở rộng thị trường trong nước, thỏa mãn nhu cầu cao của khách hàng và xã hội về chất lượng, số lượng, giá cả, chủng loại, kích thước, kiểu dáng, mẫu mã của sản phẩm phù hợp với xu thế thời đại và thị hiếu của thị trường, tiếp tục xuất khẩu sang các nước trên thế giới, lấy sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và các sản phẩm mới làm trọng tâm, đồng thời khai thác tốt các cơ hội để mang lại lợi nhuận cao, đảm bảo lợi ích các cổ đông, việc làm đời sống của người lao động và góp phần hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh phát triển.

- Đẩy mạnh và tiếp tục mở rộng sản xuất sản phẩm và sản xuất thiết bị, chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm tro bay, gạch nhẹ chung áp, vữa khô trộn sẵn, xử lý môi trường; phấn đấu trở thành công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất tro bay và gạch nhẹ chung áp, vữa xây, và xây dựng các dự án sản xuất vật liệu không nung khác để đáp ứng được cho nhu cầu thị trường phù hợp chiến lược phát triển vật liệu của Chính phủ.

- Xây dựng và thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cung cấp thiết bị và chuyên giao công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất tro bay, sản xuất gạch nhẹ chung áp, vữa xây trộn sẵn, xử lý môi trường, kết cấu nhà xưởng ...;

- Tăng cường liên doanh hợp tác với các tổ chức, cá nhân, viện nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước để mở rộng quy mô đầu tư và kinh doanh cả về chiều sâu, chiều rộng trong các lĩnh vực có nhiều tiềm năng, đặc biệt là công nghệ và vật liệu xây dựng mới.

- Quan tâm việc tuyển dụng, thu hút nhân tài, tăng cường công tác đào tạo và đào tạo tại chỗ để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, bố trí sắp xếp lại lao động một cách hợp lý.

5. Các rủi ro:

- Tiêu thụ hàng của Công ty bị giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19; Sản phẩm của Công ty phụ thuộc vào tiến độ thi công các công trình thủy điện, thủy lợi và tình hình phát triển xây dựng dân dụng. Việc sử dụng vật liệu xây không nung vào xây dựng công trình nhà ở chưa phổ biến, chỉ đạo của Nhà nước về sử dụng vật liệu xây không nung chưa quyết liệt dẫn đến khó khăn trong tiêu thụ gạch nhẹ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu năm 2021 thực hiện 310 tỷ đồng, bằng 107% so với năm trước, so với kế hoạch đạt 87%

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế 20,3 tỷ đồng; bằng 82% so với năm trước, so với kế hoạch đạt 76%

- Năm 2021, tình hình sản xuất của công ty chưa đạt kế hoạch đề ra là do:

+ Năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng lớn đến kinh tế, đặc biệt 6 tháng cuối năm 2021 giá nguyên liệu tăng, các mặt hàng xăng dầu, than, hóa chất tăng mạnh làm chi phí giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ;

+ Cơ cấu hàng hóa của Công ty có sự thay đổi; năm 2021 Công ty khôi phục sản xuất nhà máy gạch nhẹ chung áp AAC; sản phẩm của nhà máy này có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn các sản phẩm khác; theo đó khi tổng hòa vào toàn Công ty thì nhóm sản phẩm này đóng góp doanh thu nhưng đã làm tỷ suất lợi nhuận chung/doanh thu thấp xuống so với năm 2020.

Từ các yếu tố trên dẫn đến việc doanh thu năm 2021 chưa đạt kế hoạch và lợi nhuận giảm.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Ông Vũ Văn Chiến

Tổng giám đốc

Họ tên: Vũ Văn Chiến

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam

Chuyên môn: Kỹ sư điện tự động hóa

Quê quán: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Cổ phần nắm giữ tại Công ty: 10.000 CP

b. Phó Tổng Giám đốc : Ông Phạm Văn Thu

Họ tên: Phạm Văn Thu

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
 Chuyên môn chính: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng, cử nhân quản trị kinh doanh
 Quê quán: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
 Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
 Cổ phần nắm giữ tại Công ty: 21.800 CP

c. Kế toán trưởng: Ông Trần Văn Hoan:

Họ tên: Trần Văn Hoan
 Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
 Chuyên môn: Cử nhân kế toán, chứng chỉ Kế toán trưởng
 Quê quán: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương
 Thường trú: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương
 Cổ phần nắm giữ tại Công ty: 10.000 CP

d) Thay đổi nhân sự trong ban điều hành trong năm: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại 31/12/2021:

Tổng số 167; trong đó tiến sỹ 01, thạc sỹ 04; Đại học 26; cao đẳng 11; trung cấp 6; công nhân kỹ thuật 43; công nhân vận hành 77; nữ 26; nam 141.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: (Chỉ nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm, bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án, tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết): Không có đầu tư lớn

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ: Sản xuất khá hơn năm 2020, mở được nhiều thị trường tiêu thụ thạch cao nhân tạo, sản lượng và doanh thu tăng, có lãi

- Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại: Kinh doanh bình thường, có lãi, đảm bảo quy định hiện hành.

- Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân: Chưa có sản phẩm

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

6.1 Chỉ tiêu tổng hợp

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020
Tổng giá trị tài sản	294.962.434.212	284.811.022.815	96
Doanh thu thuần	289.742.439.351	310.888.052.380	107
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.949.303.375	4.313.120.718	33
Lợi nhuận khác	13.454.648.078	18.757.436.567	139
Lợi nhuận trước thuế	26.403.951.453	23.070.557.285	93
Lợi nhuận sau thuế	24.798.694.499	20.387.009.155	82
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	10	10	100

6.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> <ul style="list-style-type: none"> + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn 	1,1	1,19	
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> <ul style="list-style-type: none"> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu 	0,406	0,376	
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> <ul style="list-style-type: none"> + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản 	7,3	8,9	
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> <ul style="list-style-type: none"> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần 	0,085	0,065	
	0,142	0,114	
	0,084	0,07	
	0,045	0,013	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần lưu hành: 13.889.973 cổ phần

- Số lượng cổ phần có quyền chuyển nhượng tự do: 13.889.973 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:

- Cổ đông là tổ chức: Có 14 cổ đông nắm giữ 2.204.094 cổ phần chiếm 16% gồm: Công ty cổ phần Sông Đà 12, thuộc Tập đoàn Sông Đà; Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường; ...;

- Cổ đông là cá nhân gồm: 886 cổ đông nắm giữ 11 685 879 cổ phần chiếm 84%

- Cổ đông lớn: Có 3 cổ đông nắm 4.333.897 cổ phần chiếm 31%, cổ đông nhỏ nắm 9.556.076 CP chiếm 69%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty là đơn vị lớn nhất Việt Nam về xử lý tro xỉ phế thải từ nhà máy nhiệt điện và Tur ván, thiết kế, chế tạo, chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghệ về: Xử lý môi trường, đặc biệt trong lĩnh vực xử lý chất thải công nghiệp từ nhà máy nhiệt điện, nhà máy phân bón hóa chất.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện và than
 b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Giảm phát thải thông qua tái tạo sử dụng vật liệu phế thải để sản xuất ra khối lượng lớn sản phẩm hữu ích như tro bay, bê tông nhẹ,

6.4. *Tiêu thụ nước*: Không tiêu thụ nước vì sử dụng nước tuần hoàn thải ra từ nhà máy nhiệt điện, sau khi xử lý tro xỉ, làm lắng đọng cho nước trong, sau đó bơm trở lại nhà máy để tiếp tục sử dụng.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động 167 người; mức lương trung bình đối với người lao động là 11,6 triệu đồng/người/tháng

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Cải tạo môi trường làm việc, cải tiến công nghệ để công nhân chỉ bấm nút vận hành điều khiển; thực hiện chế độ nghỉ dưỡng, chi bồi dưỡng, chi thêm cho lao động thường xuyên để nâng cao đời sống.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Đào tạo tại chỗ về công nghệ sản xuất

6.7. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*: Luôn ủng hộ hỗ trợ các quỹ và các chương trình do địa phương phát động

6.8. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN*:

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về tình hình mọi mặt của công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)

Số TT	Nội dung/Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	TH/KH (%)
II	LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng số CBCNV đến cuối kỳ	Người	150	166	110
2	Tổng số CBCNV làm việc BQ	Người	150	155	103
3	Thu nhập bình quân	Ng.đ	9.500	11.600	122
II	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	357,7	310,8	86

2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	28,5	23	80
3	Chi phí thuế thu nhập hiện hành:	Tỷ đồng	1,94	2,68	138
	Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong hoạt động tài chính 20%	Tỷ đồng		0,413	
	Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong SXKD chính 10%	Tỷ đồng		2,27	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26,57	20,38	76
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		3,3	
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2021	Đồng/CP	1,91	1,468	76
7	Tỷ lệ chia cổ tức/cổ phiếu	%	10	10	100

- Năm 2021, tình hình sản xuất của công ty chưa đạt kế hoạch đề ra là do:

+ Năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng lớn đến kinh tế, đặc biệt 6 tháng cuối năm 2021 giá nguyên liệu tăng, các mặt hàng xăng dầu, than, hóa chất tăng mạnh làm chi phí giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ;

+ Cơ cấu hàng hóa của Công ty có sự thay đổi; năm 2021 Công ty khôi phục sản xuất nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC; sản phẩm của nhà máy này có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn các sản phẩm khác; theo đó khi tổng hòa vào toàn Công ty thì nhóm sản phẩm này đóng góp doanh thu nhưng đã làm tỷ suất lợi nhuận chung/doanh thu thấp xuống so với năm 2020.

Từ các yếu tố trên dẫn đến việc doanh thu năm 2021 chưa đạt kế hoạch và lợi nhuận giảm.

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm 2021 thành công lớn nhất của Công ty là duy trì sản xuất kinh doanh trong tình trạng dịch bệnh Covid 19 toàn thế giới, vẫn xuất khẩu sản phẩm tro bay và đưa nhà máy gạch nhẹ vào sản xuất trở lại, tạo nền tảng cho các năm tiếp theo.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản 2021

- Tài sản giảm 10,1 tỷ đồng, tương ứng 3,4 %
- Các khoản phải thu: 76 tỷ đồng/88 tỷ đồng năm 2020 giảm 14% so với 2020
- Hàng tồn kho: 20 tỷ đồng/14,6 tỷ đồng năm 2020 tăng 40% so với năm 2020
- Tài sản cố định: 128 tỷ đồng/138,2 tỷ đồng năm 2020, giảm 7% so với năm 2020

b) Tình hình nợ phải trả:

Tính đến 31/12/2021, tình hình nợ phải trả của công ty như sau:

- Vay và nợ ngắn hạn: 107 tỷ đồng/119,8 tỷ đồng năm 2020, giảm 11%
- Phải trả người bán: 38 tỷ đồng/49,5 tỷ đồng năm 2020, giảm 24%
- Vay và nợ dài hạn: 0 tỷ đồng/0 tỷ đồng năm 2020
- Phải trả khác: 19,9 tỷ đồng/20,1 tỷ đồng năm 2020 giảm 1%
- Công ty có nợ xấu phải thu khó đòi: 6,05 tỷ đồng/6,05 tỷ đồng năm 2020, giảm 0%

c) Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Hiện tại công ty đang tích cực tiêu thụ sản phẩm tro bay, cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước; mở thị trường nhằm nâng sản lượng gạch nhẹ, bê tông khí, vữa khô, keo dán gạch dán, ...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty: Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm: Tình hình diễn biến tốt, khả quan cho năm 2022 và các năm tiếp theo, hiện đã có các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm lâu dài khối lượng lớn

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty:

Ban giám đốc công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để hoạt động sản xuất của công ty có hiệu quả, đặc biệt là sản xuất thêm sản phẩm mới, mở ra hướng phát triển mới cho Công ty.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Thực hiện tốt

4. Kế hoạch, định hướng của HĐQT: Phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021, triển khai năm 2022 như quản lý sản xuất, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm, mở rộng mặt hàng, tăng cường đầu tư xử lý tro xỉ tại Vĩnh Tân- Bình Thuận, ...;

V. Quản trị công ty

1. Danh sách Hội đồng quản trị:

1.1 Ông Kiều Văn Mát Giới tính: Nam Sinh ngày: 25-8-1969

- Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

- Số CMND : 141403007 - Do Công an Hải Dương cấp ngày 10/5/2007

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

- Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

- Cổ phần nắm giữ: 1.333.131 CP, chiếm 9,5% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện cổ phần cho tổ chức khác: Không

+ Cổ phần hiện hữu: 1.333.131 CP

1.2. Ông Kiều Văn Cường

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 04/02/1979

Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

CMTND số: 013318259 cấp ngày 26/02/2011 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Số 27, ngách 294/2, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác:

Cổ phần nắm giữ: 1.835.878, chiếm 13,1% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện: 1.832.006 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

+ Cổ phần hiện hữu: 3.872 CP

1.3. Ông Nguyễn Hồng Quyền

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 01/09/1950

Nơi sinh: Hoàng Xuyên – Hoàng Hoá – Thanh Hoá
CMTND số: 011230993 cấp ngày 08/12/2005 tại Công an TP Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;
Thường trú: 586 Đường Bưởi – Vĩnh Phúc – Ba Đình – Hà Nội
Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác:
Cổ phần nắm giữ: 0, chiếm 0 % vốn điều lệ Công ty, trong đó:
+ Cổ phần đại diện:
+ Cổ phần hiện hữu: 0 CP

1.4. Ông Nguyễn Anh Dũng

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/05/1975
Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương
CMTND số: 012931694 cấp ngày 02/02/2007 tại Công an Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;
Thường trú: Số 17/126 Kim Hoa, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội
Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác:
Cổ phần nắm giữ: 600.000 CP, chiếm 4,3% vốn điều lệ Công ty, trong đó:
+ Cổ phần đại diện:
+ Cổ phần hiện hữu: 600.000 CP

1.5. Ông Nguyễn Ánh Hồng:

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 23/03/1978
Nơi sinh: Hải Dương
CMTND số: 141883068 do Công an Hải Dương cấp ngày 30/10/2006
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;
Thường trú: Phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác: Cán bộ ngân hàng VCB Chí Linh, Hải Dương
Cổ phần nắm giữ: 462.097 CP, chiếm 3,3% vốn điều lệ Công ty, trong đó:
+ Cổ phần đại diện:
+ Cổ phần hiện hữu: 462.097 CP

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật. Định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, quản lý Công ty. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chỉ đạo theo mảng hoạt động như: Sản xuất, kỹ thuật, đầu tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và quy chế hoạt động HĐQT.

Thực hiện tốt việc sửa đổi bổ xung hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định cũ đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

Về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Đã tích cực tham gia kiểm soát, phản biện, xây dựng nghị quyết HĐQT và hỗ trợ ban điều hành:

- Hoạt động của thành viên HĐQT không điều hành: Đã tích cực tham gia kiểm soát, phản biện, xây dựng nghị quyết HĐQT và hỗ trợ ban điều hành

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty chưa có các tiểu ban giúp việc HĐQT.

- Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Tất cả các thành viên HĐQT công ty đều đã tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản trị công ty.

3. Ban kiểm soát:

Cơ cấu như sau : 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên. Hiện nay không có thành viên nào là người lao động tại Công ty.

3.1. Ông Đào Xuân Quỳnh

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/02/1982

Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương

CMTND số: 142031333 cấp ngày 12/08/2013 tại Công an Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: Trưởng ban KS

Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ

Cổ phần nắm giữ: 1520 CP, chiếm 0,1% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 1520 CP

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hoài:

Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 16/10/1982

Nơi sinh: Nhật Tân, Tiên Lữ, Hưng Yên

CMTND số: 145079125 cấp ngày 17/4/1999 tại Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: TV ban KS

Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường

Cổ phần nắm giữ: 0 CP, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 0 CP

3.3. Bà Bùi Thị Vê:

Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 23/12/1975

Nơi sinh: Phả Lại – Chí Linh - Hải Dương

CMTND số: 141718431 - Do Công an : Hải Dương cấp ngày 28/08/2010

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: TV ban KS

Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Quỹ tín dụng ND Phả Lại

Cổ phần nắm giữ: 0 CP, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 0 CP

Cổ phần hiện hữu tại Công ty: 0 CP

3.4. Hoạt động của Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát ĐVT: đồng

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập 2021
Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	390.815.193
Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT, Chuyên gia	284.458.500
Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT,	53.060.000
Kiều Văn Cường	Thành viên HĐQT,	53.300.000
Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT	53.300.000
Đào Xuân Quỳnh	Trưởng BKS	53.900.000
Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	32.400.000
Bùi Thị Vẻ	Thành viên BKS	32.400.000
Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc	355.397.083
Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc	312.810.500
Trần Văn Hoan	KTT	246.711.042

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện tốt

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Nhất trí toàn bộ

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm dưới đây).

Nơi nhận:
- Công bố TT
- Lưu: VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT




TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CHIẾN



Số: 137/BCKT/TC/NV5

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được lập ngày 19/01/2022 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KẾ TÍNH TOÁN

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN VIỆT LONG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0692-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

A blue handwritten signature of Bùi Xuân Nguyên.

BÙI XUÂN NGUYÊN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4029-2018-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127.519.098.980	131.494.844.458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.657.994.999	6.676.219.466
1. Tiền	111		14.657.994.999	6.676.219.466
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.459.461.166	101.312.968.026
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	57.472.198.588	88.013.371.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	6.328.447.427	632.395.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	18.715.171.516	18.723.557.679
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.056.356.365)	(6.056.356.365)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	20.217.675.986	14.667.886.045
1. Hàng tồn kho	141		20.217.675.986	14.667.886.045
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.183.966.829	8.837.770.921
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			964.792.489
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.183.966.829	7.825.954.533
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			47.023.899
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.291.923.835	163.467.589.754
II. Tài sản cố định	220		128.477.412.174	138.198.030.543
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	118.273.238.250	127.649.409.939
- Nguyên giá	222		247.061.496.561	239.205.613.120
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(128.788.258.311)	(111.556.203.181)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	10.204.173.924	10.548.620.604
- Nguyên giá	228		15.650.050.399	15.650.050.399
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(5.445.876.475)	(5.101.429.795)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.808.536.191	679.206.082
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	2.808.536.191	679.206.082
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	23.191.900.000	22.621.900.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.200.000.000	1.200.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.991.900.000	21.421.900.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.814.075.470	1.968.453.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.814.075.470	1.968.453.129
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		284.811.022.815	294.962.434.212

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.318.934.785	119.839.254.337
I. Nợ ngắn hạn	310		107.318.934.785	119.839.254.337
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	38.286.950.417	49.543.686.062
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		316.348.810	65.335.925
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	604.620.831	411.725.625
4. Phải trả người lao động	314		3.310.925.376	3.000.156.728
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	31.023.987	46.592.010
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	19.959.902.788	20.141.480.518
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	41.177.292.461	45.795.015.354
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.631.870.115	835.262.115
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.492.088.030	175.123.179.875
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	177.492.088.030	175.123.179.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		138.899.730.000	138.899.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.804.928.341	4.804.928.341
3. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.809.905.760	10.777.873.760
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		21.977.523.929	20.640.647.774
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.590.514.774	(4.158.046.725)
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		20.387.009.155	24.798.694.499
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		284.811.022.815	294.962.434.212

Hải Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoan

Ông Giám đốc



Vũ Văn Chiến

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	310.888.052.380	289.743.459.351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.020.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		310.888.052.380	289.742.439.351
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	155.721.779.635	107.761.814.241
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155.166.272.745	181.980.625.110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	482.208.434	270.013.134
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.625.280.586	3.147.110.085
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.188.890.866	3.081.555.296
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	138.409.192.441	157.268.374.973
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.300.887.434	8.885.849.811
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.313.120.718	12.949.303.375
11. Thu nhập khác	31	VI.7	20.373.317.242	17.786.549.202
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.615.880.675	4.331.901.124
13. Lợi nhuận khác	40		18.757.436.567	13.454.648.078
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.070.557.285	26.403.951.453
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.683.548.130	1.605.256.954
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		20.387.009.155	24.798.694.499
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.16.5	1.468	1.487
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.16.5	1.180	1.487

Hải Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.070.557.285	26.403.951.453
2. Điều chỉnh cho các khoản		20.224.450.708	19.847.305.284
+ Khấu hao tài sản cố định	02	18.033.718.989	16.882.153.011
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(26.907.145)	(37.610.510)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	28.747.998	(78.792.513)
+ Chi phí lãi vay	06	2.188.890.866	3.081.555.296
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.295.007.993	46.251.256.737
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	16.542.518.463	(35.756.949.004)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.549.789.941)	34.705.760
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(15.244.324.376)	10.770.166.771
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	119.170.148	(710.082.305)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.204.458.889)	(3.106.158.902)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.539.872.250)	(1.193.531.329)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.341.520.000)	(420.504.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.076.731.148	15.868.903.728
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.549.818.255)	(2.158.344.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.130.000	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23	(570.000.000)	(10.821.600.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	68.388.388	78.792.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.039.299.867)	(12.901.151.761)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	259.874.920.183	179.264.466.282
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(264.492.643.076)	(179.873.736.585)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.464.840.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.082.562.893)	(609.270.303)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.954.868.388	2.358.481.664
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.676.219.466	4.217.590.450
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.907.145	100.147.352
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.657.994.999	6.676.219.466

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng



Trần Văn Hoan

Hải Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2022

